



Đơn vị: Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi
Chương: 423

Mẫu biểu số 73

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2053 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số giao được sử dụng	Tổng số đã phân bổ	Quản lý hành chính	Sự nghiệp y tế, sự nghiệp đào tạo, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp bảo đảm xã hội				
				Văn phòng Sở Y tế	Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Y tế Nghĩa Hành
A	B	1	2	3	4	19	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phí	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	(8)	(8)	(5)	-	(3)	-	-	-
2.1	Chi sự nghiệp y tế, dân số	(3)	(3)	-	-	(3)	-	-	-
2.2	Chi quản lý hành chính	(5)	(5)	(5)	-	-	-	-	-
2	Phí	-	-		-	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(158)	(158)	(108)	(15)	-	(3)	(7)	(25)
I	Nguồn ngân sách trong nước	(158)	(158)	(108)	(15)	-	(3)	(7)	(25)
1	Chi quản lý hành chính	(108)	(108)	(108)	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(108)	(108)	(108)	-	-	-	-	-
	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP của Chính phủ	(108)	(108)	(108)					

STT	Nội dung	Tổng số giao được sử dụng	Tổng số đã phân bổ	Quản lý hành chính	Sự nghiệp y tế, sự nghiệp đào tạo, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp bảo đảm xã hội				
				Văn phòng Sở Y tế	Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Y tế Nghĩa Hành
A	B	1	2	3	4	19	5	6	7
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(40)	(40)	-	(15)	-	-	-	(25)
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	(40)	(40)	-	(15)	-	-	-	(25)
	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP của Chính phủ	(40)	(40)		(15)				(25)
5	Chi bảo đảm xã hội	(10)	(10)	-	-	-	(3)	(7)	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(10)	(10)	-	-	-	(3)	(7)	-
	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP của Chính phủ	(10)	(10)				(3)	(7)	
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-						